

ÉMILE DURKHEIM VÀ MAX WEBER - TỪ SỰ KHÁC BIỆT TRONG QUAN NIỆM VỀ "SỰ KIỆN XÃ HỘI" ĐẾN SỰ KHÁC BIỆT TRONG PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN XÃ HỘI

Trịnh Văn Tùng*

Đặt vấn đề

Từ trước đến nay, đã có nhiều bài viết sâu sắc về từng tác giả (Émile DURKHEIM và Max WEBER), khi hầu hết những bài viết ấy tập trung thảo luận và tìm hiểu quan niệm xã hội học của họ một cách đơn lẻ. Tuy nhiên, dưới góc độ khoa học luận, bài viết này muốn đặt họ kề cận bên nhau để làm nổi bật hơn hai câu hỏi cơ bản theo phương pháp tiếp cận so sánh: 1/ Quan niệm nào đã dẫn đến sự khác biệt giữa hai khái niệm "sự kiện xã hội" và "hành động xã hội"? và 2/ Sự khác biệt trong quan niệm ấy mở ra hai con đường tiếp cận hay hai chủ thuyết xã hội học kinh điển như thế nào?

Trước hết, theo T.Kuhn, một chủ thuyết khoa học, một dòng thuyết hay một hệ ý niệm ("paradigm") chính là quan niệm khoa học rõ ràng được một cộng đồng khoa học chia sẻ và là sự đồng thuận về phương pháp nhìn nhận, xem xét và quan niệm về thế giới. Như vậy, có hai yếu tố cấu thành một chủ thuyết khoa học: 1/Quan niệm về thế giới và 2/Phương pháp nhìn nhận, xem xét

* Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

thế giới cũng như giới hạn những gì có thể hiểu được về thế giới. Theo quan niệm khoa học luận này, mọi khoa học được coi như là phương pháp theo đó lý lẽ của con người (quan niệm, giả thuyết, lý thuyết...) va chạm với các sự kiện xảy ra để nhằm giải thích chúng, tức là tạo ra kiến thức. Từ đó, chủ thuyết khoa học hay hệ ý niệm được xem như là một cách thức quan niệm về hoạt động khoa học trên cơ sở hai tiêu chí:

Thứ nhất, nhà khoa học định nghĩa như thế nào về "sự kiện" mà mình mong muốn đương đầu hay giải thích? Trong trường hợp này, mỗi chủ thuyết cần xác định cho mình một loại sự kiện lôi cuốn được thảo luận khoa học.

Thứ hai, nhà khoa học phải có mối quan hệ như thế nào với sự kiện khi bản thân muốn tạo ra kiến thức về chúng? Hay nói cách khác, phương pháp tiếp cận nào sẽ được nhà khoa học ưu tiên để giải thích sự kiện? Vai trò của nhà khoa học ở đây được quan niệm như thế nào?

Như vậy, chủ thuyết mang trong mình nó sắc thái nhận thức và sắc thái xã hội. Ở sắc thái nhận thức, chủ thuyết thể hiện cách thức quan niệm để tạo ra kiến thức. Sắc thái xã hội của chủ thuyết cho phép chúng ta xếp các nhà khoa học thành các mạng lưới trong cộng đồng khoa học với các quyền lợi và phương pháp giống nhau. Trên cơ sở hai tiêu chí trên, bài báo này tập trung so sánh quan niệm về đối tượng nghiên cứu của xã hội học và về phương pháp tiếp cận xã hội của hai "vị tiền bối" này trong bối cảnh cuối thế kỷ XIX. Trên cơ sở đọc lại bằng tiếng Pháp *Các nguyên tắc phương pháp xã hội học* ("*Règles de la méthode sociologique*") của Émile Durkheim và *Tiểu luận về lý thuyết khoa học* ("*Essais de la théorie de la science*"), bài báo này cố gắng làm sáng tỏ quan niệm khoa học và phương pháp tiếp cận xã hội của hai tác giả kinh điển

đã để lại nhiều dấu ấn trong việc hình thành hai mạng lưới xã hội học khá khác biệt.

Quan niệm đối với sự kiện

Đối với É. Durkheim, đối tượng đặc thù của khoa học xã hội học là sự kiện xã hội. Như vậy, cái gì xác định sự kiện xã hội và mang lại cho nó một bản chất riêng biệt, tức là khác với bản chất của các sự kiện cá nhân? É. Durkheim xác định bản chất của sự kiện xã hội theo hai tiêu chí:

Sự kiện xã hội tồn tại một cách độc lập ngoài mọi ý thức cá nhân, tức là không một cá nhân nào áp đặt được lên sự kiện xã hội. Theo tiêu chí này, sự kiện xã hội mang tính khách quan.

Sự kiện xã hội tạo nên một sức cưỡng chế hay một sự ràng buộc đối với mọi ý thức cá nhân. Hay nói cách khác, trong một tổ chức, mọi hành vi cá nhân phụ thuộc vào hành vi chung được mọi người chấp nhận, tức là được thiết chế hoá.

Tính khách quan của sự kiện xã hội, có nghĩa là sự tồn tại độc lập của nó theo một bản chất khác là không một cá

Đối với Max Weber, sự kiện được xem xét bắt đầu từ hành động cá nhân và ý nghĩa mà cá nhân gán cho nó trong mối quan hệ, tương tác với các cá nhân khác. Mục tiêu đầu tiên của xã hội học, đúng ra là của khoa học xã hội, là hiểu được ("Comprehension") các hành động cá nhân cho phép liên kết ý nghĩa mà cá nhân nhắm tới với các hành vi thực sự của họ. Tác giả này định nghĩa "hành động xã hội là mọi biểu đạt cụ thể hay trừu tượng, vật chất hay biểu trưng của một ý chí cá nhân hay tập thể trong một tình huống xã hội nhất định" (ANKOUN André và ANSART Pierre (Chủ biên), Từ điển xã hội học ("Dictionnaire de Sociologie"): 4). Theo tác giả này, một hành động chỉ mang tính xã hội (tính nhân bản) khi hành động đó đáp ứng ba tiêu chí sau:

Tác nhân đưa ra hành động của mình trong tư thế chủ động, nghĩa là không bị động;

Tập hợp hành vi cấu thành hành động của tác nhân phải có ý nghĩa đối với tác nhân đó;

nhân nào có thể được đặt trên nó. Ngược lại, sự kiện xã hội được áp đặt cho mọi cá nhân độc lập với ý chí của mọi cá nhân. Chính vì vậy, tác giả É. Durkheim cho rằng: Một sự kiện xã hội là một sự kiện khách quan. Đặc điểm hay thuộc tính của nó là sản phẩm phối hợp giữa hai hay nhiều cá nhân, hoặc là sản phẩm phối hợp giữa các nhóm xã hội. Tác giả đã viết: "*Sự kiện xã hội là cách thức hành động, là biểu hiện cụ thể hay trù tượng được thừa nhận chung và có khả năng tạo nên một ràng buộc khách quan đối với mọi cá nhân. Hay nói cách khác, sự kiện xã hội mang tính khái quát và tồn tại khách quan, độc lập với mọi ý chí cá nhân*" (É. Durkheim 1963, trang 14). Từ đó tác giả khuyên rằng nên nghiên cứu "*sự kiện xã hội như là những sự vật*".

Nói như vậy không có nghĩa là, sự kiện xã hội luôn luôn phải tạo ra một sức cưỡng rờ ràng đối với cá nhân. Thực ra sức cưỡng của sự kiện xã hội (hành vi chung được thiết chế hoá hay được mọi người chấp nhận) chỉ biểu hiện rõ khi cá nhân định chống lại nó. Ví dụ: hành vi chung của sinh viên

Và hành động của tác nhân phải có ý nghĩa với những tác nhân khác tương tác với bản thân mình.

Như vậy, tác giả này chọn đơn vị phân tích là hành động xã hội. Các thiết chế như Nhà nước, nhà thờ, trường học, gia đình... chỉ tồn tại trong đầu của các cá nhân như là những cấu trúc về tinh thần. Tuy tác giả thừa nhận rằng, các cấu trúc ấy có ảnh hưởng đến cá nhân, nhưng sự ảnh hưởng ấy được ý thức của cá nhân tiếp nhận qua khâu diễn giải chúng. Do quan niệm như vậy, nên Max Weber tập trung nghiên cứu hành vi cá nhân. Hay nói cách khác, tác giả áp dụng phương pháp luận cá nhân, nghĩa là hành vi khái quát của xã hội chính là tổng hợp các hành vi cá nhân. Rõ ràng là, đối với Max Weber, không được nghiên cứu cá nhân như là ốc đảo, mà cần nghiên cứu cá nhân trong sự tương tác giữa các chủ thể, vì trong sự tương tác ấy, mỗi cá nhân đều mang trong mình nó một cách thức độc đáo để xây dựng xã hội. Cá nhân ở đây không trái ngược với xã hội, mà là đơn vị nghiên cứu được Max Weber ưu tiên quan tâm vì hành vi cá nhân là hành vi trung gian để tạo nên xã hội tính. Vì không nghiên cứu cá nhân với tư

trong một lớp học là chỉ phát biểu khi được cho phép. Nhưng nếu ai đó cứ tự động phát biểu nhiều thì cả lớp học sẽ cảm thấy khó chịu. Từ đó thiết chế sẽ tạo ra một hình thức chế tài đối với sinh viên đó. Chế tài này không bắt buộc phải mang tính pháp lý, tức là chỉ mang tính xã hội (do tập thể sinh viên thoả thuận với nhau). Đặc điểm cơ bản của sự kiện xã hội chính là tạo ra sự ràng buộc và chỉ thực sự được hiểu khi É. Durkheim quan niệm về con người. Theo tác giả, trong tình trạng tự nhiên (chưa được xã hội hoá) con người, có vô số ham muốn và nhu cầu; con người luôn trong tình trạng không được thoả mãn nếu không có kỷ luật, nghĩa là không có luân lý hay không có xã hội; bản chất con người là ích kỷ; không đạo đức và luân lý, con người sẽ không thực sự đạt được nhân bản và nhân văn. Vì vậy, cá nhân không nên nhìn nhận sự ràng buộc của "xã hội tính" dưới góc độ tiêu cực. Ngược lại nhờ vào tính xã hội ấy của sự kiện mà con người "trở nên người hơn", tức là con người tìm được ý nghĩa của sự tồn tại của bản thân mình.

cách là chủ thể tâm lý nên Max Weber khuyên các học giả nghiên cứu cá nhân trong sự tương tác với nhiều cá nhân khác để hiểu cái tổng thể của xã hội. Khi xác định con người bằng cách tìm hiểu ý thức và năng lực định hướng hành động của nó, điều quan trọng đối với nhà nghiên cứu là thấu hiểu ý nghĩa của các hành động đó. Tuy nhiên, do nhà nghiên cứu cũng là con người, cho nên ý nghĩa của các cá nhân khác không phải dễ dàng được hiểu ngay lập tức vì bản thân con người của nhà nghiên cứu cũng mang tính chủ quan. Vì lẽ đó, nhà nghiên cứu phải nỗ lực thường xuyên bằng cách xây dựng cho mình những "mẫu điển hình" ("ideal-type") rồi trên cơ sở đó cố gắng làm sáng tỏ ý nghĩa hành động của các cá nhân, biết rằng chúng đan xen vào nhau và rất đa dạng. Nhiều tác giả gọi xã hội học của Max Weber là "xã hội học chủ quan", ngược lại với "xã hội học khách quan" của É. Durkheim chính là vì xuất phát điểm và đơn vị nghiên cứu của hai tác giả này khác nhau. Giải thích nguyên nhân không phải là mục tiêu đầu tiên của Max Weber, vì đối với ông giải thích chỉ mang tính xác suất và ông không có tham

Trên cơ sở quan niệm sự kiện xã hội như vậy, É. Durkheim chọn "cái xã hội" hay "xã hội tính" ("the social", "le social") làm đơn vị phân tích, tức là tác giả đã không lựa chọn cá nhân hoặc ý thức cá nhân để phân tích. Tại sao lại như vậy? Tác giả cho rằng, "xã hội tính" hay "cái xã hội" là cái nổi trội hay ưu việt của tổng thể, của khái quát, của thiết chế hay của xã hội so với từng phần (hay từng cá nhân) tạo nên xã hội ấy. Xã hội tính nghĩa là "cái tổng thể" ("the total", "le tout") đóng vai trò then chốt trong việc giải thích mọi sự kiện xảy ra đối với cá nhân. Do vậy, về mặt phương pháp nghiên cứu, khi hình thành một khung lý thuyết, mọi tác giả đều phải chỉ rõ ba nhóm biến số: biến số độc lập (tức là biến số thuộc về tổng thể mà không một cá nhân đơn lẻ nào can thiệp được), biến số can thiệp (tức là biến số xúc tác) và biến số phụ thuộc (tức là biến số thuộc về thành phần hay về cá nhân). Rõ ràng là, É. Durkheim ưu tiên hay đặt dấu nhấn vào tính tổng thể. Hay nói cách khác, tác giả cho rằng tính tổng

vọng đưa ra những quy luật khái quát nhất.

Trái với É. Durkheim, người loại bỏ tính chủ quan của nhà nghiên cứu để đi tìm quy luật tổng thể khái quát nhất và từ đó giải thích hành vi cá nhân qua tính tổng thể, Max Weber cho rằng tính chủ quan là một điều kiện của một hoạt động khoa học, ví dụ tính độc đáo của những câu hỏi do nhà khoa học đặt ra hay mối quan hệ của nhà khoa học với các khách thể mà mình nghiên cứu. Rõ ràng là, theo Max Weber trong quá trình nghiên cứu, tính chủ quan của nhà nghiên cứu có một địa vị trung gian thể hiện nét riêng của từng người. Mặc dù kết quả nghiên cứu có dấu ấn của nhà nghiên cứu, nhưng chúng không phải chỉ là những dấu ấn của nhà nghiên cứu.

Max Weber đã định nghĩa khoa học nhân văn và xã hội khác với É. Durkheim thông qua định nghĩa hành động xã hội, vì hành động xã hội không phải là "những sự vật" mà do tác nhân gán cho nó một ý nghĩa nào đó trong mối tương tác với các tác nhân khác. Ý nghĩa của các hành động xã hội chỉ phần nào được sáng tỏ theo quan niệm của từng

thể hay tính khái quát quan trọng hơn tính bộ phận hay tính cá nhân. Lẽ đương nhiên, tác giả không phủ nhận thực tế tồn tại của các hành vi cá nhân, nhưng tác giả nghĩ rằng mọi hành vi cá nhân phụ thuộc vào hành vi mà tập thể đã thừa nhận. Sự ưu tiên nghiên cứu tính tổng thể hay tính xã hội chính là sự lựa chọn phương pháp luận của É. Durkheim. Từ đó, mọi nhà xã hội học được É. Durkheim khuyên rằng nên tập trung vào cái tổng thể, tức là thiết chế xã hội (gia đình, trường học, tổ chức, luật, tôn giáo...). Theo tác giả để giải thích các hành vi cá nhân thì nhất thiết phải tập trung nghiên cứu thiết chế xã hội và bắt đầu từ những thống kê xã hội, bởi vì thống kê xã hội sẽ vô hiệu hoá mọi tính đơn lẻ của cá nhân. Từ đó, phương pháp định lượng được tác giả ưu tiên và khuyên nên sử dụng. Bằng chứng là, trong tác phẩm *Tự sát* ("*Le Suicide*"), tác giả đã giải thích hiện tượng tự sát ở Pháp bằng các công cụ thống kê xã hội, nghĩa là thuần túy định lượng.

nhà nghiên cứu và nhiệm vụ của nhà nghiên cứu là phải hiểu được ý nghĩa của chúng.

Về mặt phương pháp luận, mặc dù công nhận với É. Durkheim rằng, cái đích sau cùng của khoa học là đi đến giải thích nhân quả sự kiện xã hội, nhưng Max Weber cho rằng cần thiết phải tìm thấy một hay nhiều nguyên nhân thuyết phục để giải thích cho một hay nhiều hệ quả. Do vậy, để hiểu "tính xã hội" hay "cái xã hội", cần thiết phải đo hành vi của rất nhiều cá nhân.

Sự phối hợp giữa các chủ thuyết

Ở trên, chủ thuyết hay hệ ý niệm đã được định nghĩa như là cách thức nghiên cứu phối hợp hai nét đặc điểm: 1. cách thức nhằm đến sự kiện để nghiên cứu và 2. phương pháp để xử lý chúng. Trong thực tế, mỗi tác giả đều đưa ra một chủ thuyết rất thuyết phục và có tính chất bổ sung cho nhau.

Đối với É. Durkheim, sự kiện xã hội tồn tại bên ngoài mọi ý thức cá nhân (định nghĩa sự kiện). Vì nó bên ngoài cho nên nó được coi như là một sự vật. Trên cơ sở đó, xã hội học được coi như là một khoa học tự nhiên, vì xã hội học phải sử dụng phương pháp khách quan để hiểu được sự kiện xã hội như là sự vật ấy. Hơn nữa, vì sự kiện xã hội mang tính cưỡng chế và ràng buộc với mọi cá nhân nên cái tổng thể quyết định cái từng phần, cái xã hội quyết định cái xã cá nhân. Đó chính là một cơ sở để chúng ta gọi chủ thuyết của É. Durkheim là chủ thuyết quyết định ("determinism"), tức là "cái tổng thể quyết định cái từng phần", hay "tính khái quát quyết định tính cá nhân". Vậy muốn trở thành nhà xã hội học thì phải giải thích nhân quả xuất phát từ xã hội tính, từ thiết chế, nghĩa là đi tìm các quy luật xã hội ("mục tiêu của kiến thức").

Trong khi đó, đối với Max Weber, hành động xã hội được định nghĩa thông qua ý nghĩa mà cá nhân gán cho nó trong sự tương tác với các cá nhân khác (định nghĩa sự kiện). Cho nên, cần phải thấu hiểu ý nghĩa ấy (mục tiêu của kiến thức). Vì ý nghĩa của hành động xã hội chỉ có thể được hiểu thông qua sự tương tác giữa các chủ thể, nên phương pháp để tìm hiểu nó chính là phải coi nhà nghiên cứu trước hết là một con người. Từ đó, với tư cách là chủ thể nghiên cứu, nhà nghiên cứu tiếp cận những gì tạo ra ý nghĩa đối với cá nhân. Từ quan niệm này, Max Weber sử dụng phối hợp phương pháp đo lường (định lượng) và các phương pháp định tính khác (phỏng vấn sâu cá nhân kết hợp quan sát...).

Kết luận

Sơ đồ sau đây tóm tắt những nét khác biệt căn bản của hai chủ thuyết xã hội học kinh điển, của hai nhà xã hội học (Pháp và Đức).

Émile Durkheim		Max Weber	
Quan niệm về sự kiện	Phương pháp tiếp cận	Phương pháp tiếp cận	Quan niệm về sự kiện
Tính khách quan của sự kiện và của nhà nghiên cứu. Giải thích nhân quả Xã hội học như là khoa học tự nhiên. Tham vọng tìm ra quy luật khách quan.	Nhấn mạnh và xuất phát từ tổng thể, từ xã hội tính để hiểu hành vi con người. Phương pháp tiếp cận theo chủ thuyết quyết định.	Nhấn mạnh và xuất phát từ hành động cá nhân, tìm hiểu ý nghĩa của hành động cá nhân để tiến tới giải thích tổng thể xã hội. Nhà nghiên cứu có sự tự do nhất định và có phần chủ quan.	Tính chủ quan của sự kiện và của nhà nghiên cứu. Quá trình đi tìm ý nghĩa chung (ý nghĩa xã hội của hành động) là liên tục. Diễn giải và hiểu được ý nghĩa của hành động. Xã hội học thuộc khoa học nhân văn. Không có tham vọng đi tìm quy luật khách quan, mà nhà xã hội học cần mang phẩm chất khiêm tốn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ANKOUN André và ANSART Pierre (Chủ biên), *Từ điển xã hội học ("Dictionnaire de Sociologie")*, Paris, NXB. LE Robert và Seuil, 587 trang.
2. É. Durkheim, *Các nguyên tắc của phương pháp nghiên cứu xã hội học ("Les règles de la méthode sociologique")*, Paris, NXB. Flammarion, 1984 (xuất bản lần đầu năm 1895), 254 trang, tuyển tập Trường ("Champs").

3. M. Weber, *Tiểu luận về lý thuyết khoa học ("Essais sur la théorie de la science")*, Paris, Plon, Presse Pocket, 1992 (xuất bản lần đầu năm 1904), 478 trang.
4. M. Weber, *Đạo đức Tin lành và tinh thần chủ nghĩa tư bản ("L'ethique protestante et l'esprit du capitalisme")*, Paris, Plon, 1964 (xuất bản lần đầu năm 1920), 323 trang.
5. M. Weber, *Kinh tế và xã hội ("Économie et société")*, Tome premier. *Les catégories de la sociologie, Tome 2. L'organisation et les puissances de la société dans leurs rapports avec l'économie*, Paris, Plon, 1995 (xuất bản lần đầu năm 1922).
6. Natalie Rigaux, *Đại cương xã hội học qua bảy tác giả lớn ("Introduction à la sociologie par sept grands auteurs")*, Paris, NXB. De Boeck, 2008, 294 trang.